

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý,  
sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong các Công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng Đắk Lắk tại Tờ trình số 1308/TTr-SXD, ngày 10/11/2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Công bố Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quy định các hệ số để tính phụ cấp khu vực đối với đơn giá nhân công trong bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,1 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0356;

- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,2 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0687;
- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,3 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0997;
- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,4 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,1286
- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,5 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,1558
- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,6 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,1813
- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,7 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,2053

3. Quy định các hệ số để tính phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với đơn giá nhân công trong bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Nơi có phụ cấp độc hại, nguy hiểm là 0,1 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0356;
- Nơi có phụ cấp độc hại, nguy hiểm là 0,2 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0687.

## **Điều 2.**

Công bố Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để tham khảo trong việc xác định giá dự toán và thanh quyết toán các dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông; để tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

## **Điều 3.**

Đối với khối lượng dịch vụ: duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa được thanh quyết toán; Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và đơn vị thực hiện dịch vụ công ích đô thị phải kiểm kê khối lượng, lập lại dự toán theo quy định của Quyết định này. Nếu giá trị dự toán lập lại thấp hơn Tổng dự toán được duyệt thì không cần phải điều chỉnh mà làm căn cứ để thực hiện công tác thanh quyết toán khối lượng hoàn thành. Trường hợp nếu vượt dự toán được duyệt, thì phải thẩm định và phê duyệt lại dự toán theo quy định hiện hành

## **Điều 4.**

Giao cho Sở Xây dựng chủ trì và phối hợp với các ngành chức năng có liên quan tổ chức việc kiểm tra và quản lý thống nhất bộ đơn giá dịch vụ duy trì,

vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **Điều 5.**

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 19/02/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột và các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c)
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ XD;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh; TT Tin học;
- Website của tỉnh;
- Sở Tư pháp; Báo Đắk Lắk;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Lưu VT, CN, NL, TH, TM, VX, NC (CH.400),  
(Đơn giá DVCI 2009).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Lữ Ngọc Cư**

**BỘ ĐƠN GIÁ**  
**DỊCH VỤ DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG VIÊN VÀ QUẢN LÝ,**  
**SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2009/QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

**PHẦN I**  
**THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG**

**I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ:**

Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là chi phí cần thiết về vật liệu, công cụ lao động, nhân công, máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng đối với dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk .

**1- Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:**

**a. Chi phí vật liệu:**

Là chi phí giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk . Chi phí vật liệu quy định trong đơn giá này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

Giá vật tư, vật liệu trong đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Trong quá trình thực hiện đơn giá nếu giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) chênh lệch so với giá vật liệu để để tính đơn giá thì được bù trừ chênh lệch. Các đơn vị căn cứ vào mức giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) tại từng khu vực, ở từng thời điểm do cơ quan quản lý giá xây dựng công bố và số lượng vật liệu đã sử dụng theo định mức để tính ra chi phí vật liệu thực tế, sau đó so sánh với chi phí vật liệu theo đơn giá để xác định mức bù trừ chênh lệch chi phí vật liệu và đưa vào chi phí vật liệu trong dự toán.

**b. Chi phí nhân công:**

- Chi phí nhân công trong đơn giá chỉ bao gồm tiền lương cơ bản được xác định theo bảng lương A.1 (công trình đô thị) ban hành theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người

lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động (mức lương tối thiểu là 650.000 đồng/tháng).

- Các khoản phụ cấp gồm: phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm được xác định theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Chi phí nhân công trong bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông được tính cho loại công tác nhóm I. Đối với các loại công tác khác thuộc các nhóm khác của bảng lương A.1 thì được chuyển đổi theo hệ số sau:

Thuộc nhóm II: bằng 1,063 so với tiền lương trong bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thuộc nhóm III: bằng 1,145 so với tiền lương trong bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Chi phí nhân công tại Thành phố Buôn Ma Thuột được nhân với hệ số 1,06.

### ***c. Chi phí máy thi công:***

Là chi phí sử dụng máy trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với thành phố Buôn Ma Thuột thì chi phí máy thi công được nhân với hệ số  $K = 1,009$ .

## **2. Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được xác định trên cơ sở:**

- Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 19/02/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Định mức dự toán dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Thông tư số Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

- Bảng lương A.1 (công nhân công trình đô thị) ban hành theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong các Công ty Nhà nước.

- Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động (mức lương tối thiểu là 650.000 đồng/tháng).

## II - KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ:

Bộ đơn giá được phân theo nhóm, loại công tác được mã hoá thống nhất theo quy định trong tập định mức dự toán dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông, ban hành kèm theo Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 19/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tập đơn giá được chia làm 02 phần:

### PHẦN I: THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG.

### PHẦN II: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ DUY TRÌ, VỆ SINH CÔNG VIÊN VÀ QUẢN LÝ SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG:

Chương I: Duy trì, vệ sinh công viên.

Chương II: Quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

### III. HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN DỊCH VỤ DUY TRÌ, VỆ SINH CÔNG VIÊN VÀ QUẢN LÝ, SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮKLẮK:

Thực hiện theo nội dung hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

### IV. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG:

- Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là căn cứ để xác định giá dự toán, ký kết hợp đồng, thanh quyết toán chi phí theo khối lượng dịch vụ công ích đô thị thực tế hoàn thành trong trường hợp đặt hàng thực hiện các dịch vụ và là căn cứ để tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện các dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với những đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông mà yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công khác với quy định trong tập đơn giá này thì các đơn vị căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức dự toán do Bộ Xây dựng hướng dẫn để xây dựng định mức và lập đơn giá trình cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng.

Trong quá trình áp dụng bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

**PHẦN II**  
**ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG VIÊN VÀ QUẢN LÝ,**  
**SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮKLẮK**

**Bộ đơn giá dịch vụ duy trì, vệ sinh công viên và quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gồm:**

Chương I: Duy trì, vệ sinh công viên.

Từ CX4.01.00 đến CX4.04.00

Chương II: Quản lý, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

Từ CS10.01.00 đến CS10.09.00

## CHƯƠNG I

### DUY TRÌ, VỆ SINH CÔNG VIÊN

#### CX4.01.00 - QUÉT RÁC TRONG CÔNG VIÊN

**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ lao động.
- Quét sạch rác bẩn, thu gom, vận chuyển đến nơi quy định.
- Vệ sinh dụng cụ và cất vào nơi quy định.

**Yêu cầu kỹ thuật:**

- Đường, bãi luôn sạch sẽ, không có rác bẩn.

*Đơn vị tính: đồng/1.000m<sup>2</sup>/lần*

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX4.01.01	Đường nhựa, đường đá, đường gạch sin	1.000m <sup>2</sup>		14.025	
CX4.01.02	Via hè (gạch lá dừa, mặt na...)	1.000m <sup>2</sup>		15.938	
CX4.01.03	Thảm cỏ	1.000m <sup>2</sup>		31.875	

#### CX4.02.00 – THAY NƯỚC HỒ CẢNH

**Thành phần công việc:**

- Bơm sạch nước cũ bẩn, cọ rửa xung quanh hồ vét sạch bùn đất trong đáy hồ, vận chuyển rác bùn đổ tại nơi quy định, cấp nước mới cho hồ.

*Đơn vị tính: đồng/100m<sup>2</sup>/lần*

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX4.02.01	Hồ =< 1.000m <sup>2</sup>	100m <sup>2</sup>	363.300	127.500	152.931
CX4.02.02	Hồ > 1.000m <sup>2</sup>	100m <sup>2</sup>	605.500	127.500	252.969

#### CX4.03.00 – DUY TRÌ BỂ PHUN VÀ BỂ KHÔNG PHUN

**Thành phần công việc:**

- Cọ rửa trong và ngoài bể, dọn vớt rác thay nước theo quy định, vận hành hệ thống phun với những bể có hệ thống phun, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

*Đơn vị tính: đồng/1 bể/lần*

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX4.03.10	Bể phun				
CX4.03.11	Diện tích bể < 20m <sup>2</sup>	bể		669.375	
CX4.03.12	Diện tích bể >= 20m <sup>2</sup>	bể		1.338.750	
CX4.03.20	Bể không phun				
CX4.03.21	Diện tích bể < 3m <sup>2</sup>	bể		76.500	
CX4.03.22	Diện tích bể < 20m <sup>2</sup>	bể		382.500	
CX4.03.23	Diện tích bể >= 20m <sup>2</sup>	bể		765.000	



**CX4.04.00 – BẢO VỆ CÔNG VIÊN, GIẢI PHÂN CÁCH, LÂM VIÊN  
CẢNH VÀ TƯỢNG ĐÀI**

*Đơn vị tính: đồng/1ha/ngày đêm*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
CX4.04.01	Công viên kín, tượng đài	ha/ngày đêm		255.000	
CX4.04.02	Công viên hở, giải phân cách, tiểu hoa viên, quảng trường...	ha/ngày đêm		318.750	
CX4.04.03	Lâm viên cảnh, rừng sinh thái	ha/ngày đêm		22.313	

**CHƯƠNG II**  
**QUẢN LÝ SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN**  
**TÍN HIỆU GIAO THÔNG**

**CS10.01.00 – QUẢN LÝ HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG**

**Thành phần công việc:**

- Thường xuyên nhận thông tin, sửa chữa.
- Kiểm tra đo thông số định kỳ của hệ thống đèn.
- Ghi chép hoạt động của mỗi nút (chốt) hàng ngày.
- Xử lý sửa chữa nhỏ, ỏ cắm, tiếp xúc đầu dây.

*Đơn vị tính: đồng/nút (chốt)/ngày đêm*

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CS10.01.00	Quản lý hệ thống đèn tín hiệu giao thông	chốt/ngày đêm		51.000	

**CS10.02.00 – THAY KÍNH ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG**

**Thành phần công việc:**

- Lĩnh vật tư, tháo lắp kính.
- Giám sát an toàn.

*Đơn vị tính: đồng/20 cái*

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CS10.02.01	Kính đèn màu xanh, đỏ, vàng, tròn d = 100, 150, 200, 250, 300 cm	20 cái	1.900.000	255.000	634.001
CS10.02.02	Kính Mêka cong bảo vệ đèn tín hiệu cho người đi bộ	20 cái	2.700.000	255.000	

**CS10.03.00 – THAY BÓNG ĐÈN LED TÍN HIỆU GIAO THÔNG**

**Thành phần công việc:**

- Lĩnh vật tư, tháo bóng và lắp ráp lại.
- Giám sát an toàn.

*Đơn vị tính: đồng/100 bóng*

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CS10.03.00	Thay bóng đèn Led đèn tín hiệu giao thông	100bóng	510.000	127.500	

## CS10.04.00 – THAY MODULE ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

### **Thành phần công việc:**

- Lĩnh vật tư, tháo Module và lắp ráp lại.
- Giám sát an toàn.

*Đơn vị tính: đồng/1 Module*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
CS10.04.01	Thay Module đèn đếm lùi d=300mm	1 Module	4.278.000	31.875	158.500
CS10.04.02	Thay Module đèn chữ thập d=200mm	1 Module	1.843.152	31.875	158.500
CS10.04.03	Thay Module đèn đỏ d=300mm	1 Module	1.847.177	31.875	158.500
CS10.04.04	Thay Module đèn xanh d=200mm	1 Module	2.651.148	31.875	158.500
CS10.04.05	Thay Module đèn vàng d=200mm	1 Module	1.878.411	31.875	158.500
CS10.04.06	Thay Module đèn đi bộ màu xanh - đỏ, d=200mm	1 Module	2.967.800	31.875	158.500
CS10.04.07	Thay Module đèn lật lại xanh - đỏ - vàng, d=100mm	1 Module	2.967.800	31.875	158.500

## CS10.05.00 – THAY CÁC THIẾT BỊ KHÁC CỦA ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

### **Thành phần công việc:**

- Lĩnh vật tư, tháo đèn và thay thế các thiết bị khác của hệ thống đèn tín hiệu giao thông bị hư hỏng.
- Giám sát an toàn.

*Đơn vị tính: đồng/1 cái*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
CS10.05.01	Thay biến thế đổi điện từ 220V xuống 12V	cái	60.000	15.938	
CS10.05.02	Thay cầu chì 2A	cái	2.000	12.750	
CS10.05.03	Thay Triac BTA 12	cái	12.000	12.750	
CS10.05.04	Thay IC 7805	cái	8.000	12.750	
CS10.05.05	Thay Automat 15A	cái	23.100	15.938	

## CS10.06.00 – THAY BỘ RUỘT TỬ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

### **Thành phần công việc:**

- Lĩnh vật tư, tháo bộ ruột đèn tín hiệu giao thông bị hư hỏng thay thế bộ ruột mới.
- Giám sát an toàn.

*Đơn vị tính: đồng/1 bộ*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
CS10.06.00	Thay bộ ruột tử điều khiển đèn tín hiệu giao thông	bộ	13.800.000	63.750	

## CS10.07.00 – THAY DÂY LÊN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

### **Thành phần công việc:**

- Khảo sát, lĩnh vật tư, tháo dây cũ, luồn cửa cột.
- Lắp dây mới, kiểm tra.

*Đơn vị tính: đồng/1 cột*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
CS10.07.00	Thay dây lên đèn	cột	210.000	318.750	528.334

## CS10.08.00 – SỬA CHỮA CHẠM CHẬP, SỰ CỐ LƯỚI ĐIỆN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

### **Thành phần công việc:**

- Kiểm tra phát hiện chạm chập.
- Lĩnh vật tư, kiểm tra thiết bị, dây cáp, bóng đèn.
- Xử lý chạm chập, giám sát an toàn.

*Đơn vị tính: đồng/1 nút (chốt)*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
CS10.08.00	Sửa chữa chạm chập, sự cố lưới điện đèn tín hiệu giao thông.	chốt	1.292.745	382.500	856.283

Ghi chú: Phần rải thảm bê tông nhựa đường tính riêng.

CS10.09.00 – DUY TU, BẢO DƯỠNG TỦ, CỘT ĐÈN, BẦU ĐÈN, MẶT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG

**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị vật tư, cắt điện.

- Cạo ghi, sơn 3 lớp, 01 lớp chống ghi, 02 lớp sơn nhũ.

*Đơn vị tính: đồng/1 tủ, 1 cột, 1 cái*

<b>Mã hiệu</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
CS10.09.01	Duy tu bảo dưỡng tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông	1 tủ	22.467	88.500	
CS10.09.02	Duy tu bảo dưỡng cột đèn tín hiệu giao thông	1 cột	26.822	118.000	317.000
CS10.09.03	Duy tu bảo dưỡng bầu đèn, mặt đèn tín hiệu giao thông	1 cái	22.467	29.500	317.000

## BẢNG QUY ĐỊNH ĐỂ TÍNH ĐƠN GIÁ

### I. BẢNG QUY ĐỊNH NHÓM CỦA CÔNG NHÂN:

STT	Công trình đô thị	Loại hình công việc
I	Nhóm I:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quản lý, bảo dưỡng các công trình cấp nước;</li><li>- Duy tu mương, sông thoát nước;</li><li>- Quản lý công viên;</li><li>- Ghi số đồng hồ và thu tiền nước.</li></ul>
II	Nhóm II:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bảo quản phát triển cây xanh;</li><li>- Quản lý vườn thú;</li><li>- Quản lý hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;</li><li>- Nạo vét mương, cống thoát nước;</li><li>- Nạo vét cống ngang; thu gom đất; thu gom rác (trừ vớt rác trên kênh và ven kênh);</li><li>- Vận hành hệ thống chuyên dùng cầu nâng rác, đất;</li><li>- Nuôi chim, cá cảnh; ươm trồng cây.</li></ul>
III	Nhóm III:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nạo vét cống ngầm;</li><li>- Thu gom phân;</li><li>- Nuôi và thuần hóa thú dữ;</li><li>- Xây dựng và sửa chữa cống ngầm;</li><li>- Quét dọn nhà vệ sinh công cộng;</li><li>- San lấp bãi rác;</li><li>- Vớt rác trên kênh và ven kênh;</li><li>- Chế biến phân, rác;</li><li>- Xử lý rác sinh hoạt, xử lý chất thải y tế, chất thải công nghiệp;</li><li>- Công nhân mai táng, điện táng;</li><li>- Chặt hạ cây trong đường phố.</li></ul>

### II/ GIÁ VẬT TƯ, VẬT LIỆU:

Số TT	Danh mục vật tư, vật liệu	Đơn vị	Giá chưa có VAT (đồng)
1	Nước máy	m <sup>3</sup>	6.055,00
2	Kính đèn d = 200 - 300; 250 - 100 mm	cái	95.000,00
3	Kính Mêka cong	cái	135.000,00
4	Bóng đèn Led	bóng	5.100,00
5	Module đèn đêm lùi d=300mm	bộ	4.278.000,00
6	Module đèn chữ thập d=200mm	bộ	1.843.152,00
7	Module đèn đỏ d=300mm	bộ	1.847.177,00
8	Module đèn xanh d=200mm	bộ	2.651.148,00
9	Module đèn vàng d=200mm	bộ	1.878.411,00
10	Module đèn đi bộ màu xanh - đỏ d=200mm	bộ	2.967.800,00
11	Module đèn lật lại xanh - đỏ - vàng, d=100mm	bộ	2.967.800,00
12	Biến áp 220V/12A	cái	60.000,00
13	Cầu chì ống 2A	cái	2.000,00
14	Triac BTA 12	cái	12.000,00
15	IC 7805	cái	8.000,00
16	Automat 15A	cái	23.100,00
17	Bộ ruột tủ điều khiển giao thông	bộ	13.800.000,00
18	Dây súp 2*2,5 mm <sup>2</sup>	m	5.200,00
19	Băng keo	cuộn	2.000,00
20	Cáp 8*1,5mm <sup>2</sup>	m	25.400,00
21	Ống PVC d=49mm	m	15.600,00
22	Nối ống PVC d=49mm	cái	5.800,00
23	Rắcco PVC d=49mm	cái	7.000,00
24	Băng keo PVC	m	469,00
25	Sơn màu	kg	29.000,00
26	Bàn chải sắt	cái	10.000,00
27	Chổi quét sơn	cái	2.000,00
28	Xăng pha sơn	lit	14.555,00

### III/ GIÁ CA MÁY THI CÔNG

Số TT	Danh mục ca máy thi công	Đơn vị	Giá chưa có VAT (đồng)
1	Máy bơm nước 3CV	ca	114.985,85
2	Xe thang, chiều dài thang: tới 12m	ca	1.056.668,00
3	Máy đào 32-42	ca	725.775,83
4	Máy cắt BT 7,5KW	ca	130.507,16

#### IV/ GIÁ NHÂN CÔNG

Số TT	Danh mục nhân công	Đơn vị	Giá chưa có VAT(đồng)
1	Bậc thợ bình quân 3.5/7	công	59.000,00
2	Bậc thợ bình quân 4.0/7	công	63.750,00

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Lữ Ngọc Cư**



## MỤC LỤC

PHẦN I: THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG .....	4
I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ: .....	4
II - KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ: .....	6
III. HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN DỊCH VỤ DUY TRÌ, VỆ SINH CÔNG VIÊN VÀ QUẢN LÝ, SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮKLẮK: .....	6
IV. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG: .....	6
PHẦN II: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ DUY TRÌ VỆ SINH CÔNG VIÊN VÀ QUẢN LÝ, SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮKLẮK .....	7
CHƯƠNG I: DUY TRÌ, VỆ SINH CÔNG VIÊN .....	8
CX4.01.00 - QUÉT RÁC TRONG CÔNG VIÊN .....	8
CX4.02.00 – THAY NƯỚC HỒ CẢNH .....	8
CX4.03.00 – DUY TRÌ BỂ PHUN VÀ BỂ KHÔNG PHUN .....	8
CX4.04.00 – BẢO VỆ CÔNG VIÊN, GIẢI PHÂN CÁCH, LÂM VIÊN CẢNH VÀ TƯỢNG ĐÀI .....	9
CHƯƠNG II: QUẢN LÝ SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	10
CS10.01.00 – QUẢN LÝ HỆ THỐNG ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	10
CS10.02.00 – THAY KÍNH ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	10
CS10.03.00 – THAY BÓNG ĐÈN LED TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	10
CS10.04.00 – THAY MODULE ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	11
CS10.05.00 – THAY CÁC THIẾT BỊ KHÁC CỦA ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	11
CS10.06.00 – THAY BỘ RUỘT TỬ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	12
CS10.07.00 – THAY DÂY LÊN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	12
CS10.08.00 – SỬA CHỮA CHẠM CHẬP, SỰ CỐ LƯỚI ĐIỆN ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	12
CS10.09.00 – DUY TU, BẢO DƯỠNG TỬ, CỘT ĐÈN, BẦU ĐÈN, MẶT ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG .....	13
BẢNG QUY ĐỊNH ĐỀ TÍNH ĐƠN GIÁ .....	14
I. BẢNG QUY ĐỊNH NHÓM CỦA CÔNG NHÂN: .....	14
II/ GIÁ VẬT TƯ, VẬT LIỆU: .....	15
III/ GIÁ CA MÁY THI CÔNG .....	15
IV/ GIÁ NHÂN CÔNG .....	16